

Số: 66 /KH-UBND

Kiên Giang, ngày 22 tháng 5 năm 2017

KẾ HOẠCH

Đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 - 2020

Thực hiện Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh Kiên Giang, nhiệm kỳ 2015 – 2020 và Chương trình hành động của Tỉnh ủy, về mục tiêu phát triển các khu công nghiệp (KCN) tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2015 – 2020.

Trên cơ sở thực trạng tình hình các nhà đầu tư đã đầu tư vào các KCN thời gian qua và định hướng phát triển thời gian tới. UBND tỉnh xây dựng kế hoạch đầu tư hạ tầng các KCN tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 – 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Cụ thể hoá và tổ chức thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh Kiên Giang, nhiệm kỳ 2015 – 2020, về đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng KCN, gắn với xúc tiến kêu gọi đầu tư vào KCN Thạnh Lộc, KCN Thuận Yên và KCN Xẻo Rô.

- Huy động tối đa các nguồn vốn ngân sách, vốn các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng các KCN; song song với việc đăng ký, triển khai các dự án tại các KCN.

2. Yêu cầu:

a) Đề ra mục tiêu và lộ trình đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng 02 KCN hiện có của tỉnh như sau:

+ KCN Thạnh Lộc (huyện Châu Thành) phấn đấu hoàn thành đầu tư hạ tầng giai đoạn 1: 150 ha.

+ KCN Thuận Yên (thị xã Hà Tiên) phấn đấu kêu gọi đầu tư xây dựng các hạ tầng thiết yếu như: Cấp điện, cấp nước, khu xử lý nước thải..., để tạo thuận lợi kêu gọi đầu tư vào KCN.

b) Hoàn thành điều chỉnh quy hoạch KCN Xẻo Rô phục vụ cho việc triển khai đầu tư xây dựng 2 nhà máy điện (sử dụng Khí lô B) 100 ha.

II. NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KCN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Trong giai đoạn 2016 - 2020 trước mắt tập trung huy động các nguồn vốn triển khai đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật các KCN Thạnh Lộc (huyện Châu Thành) (giai đoạn 1), hệ thống thu gom và xử lý nước thải KCN Thuận Yên (thị xã Hà Tiên) và chuẩn bị thủ tục đầu tư triển khai đầu tư phát triển KCN Xẻo Rô (huyện An Biên). Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu tỉnh có phát sinh thêm được nguồn thu từ đất của các dự án đăng ký đầu tư vào các KCN, thì tỉnh sẽ ưu tiên xem xét bố trí lại nguồn vốn để tiếp tục đầu tư hạ tầng kỹ thuật cho các KCN.



Giai đoạn 2016 - 2020 tổng vốn đầu tư của 02 KCN Thạnh Lộc (giai đoạn 1) và Thuận Yên là 1.087.208 tỷ đồng (theo Phụ biểu báo cáo số 01 đính kèm); trong đó cơ cấu đầu tư của từng nguồn vốn như sau:

- Vốn ngân sách nhà nước đầu tư là: 238 tỷ đồng (trong đó vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ là 108 tỷ đồng; vốn ngân sách tỉnh đầu tư là 130 tỷ đồng)

- Vốn huy động từ các nhà đầu tư là 564,105 tỷ đồng.

- Vốn doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN là 285,103 tỷ đồng.

Tổng các nguồn vốn đầu tư phân ra từng KCN như sau:

1. Khu công nghiệp Thạnh Lộc, huyện Châu Thành

Mục tiêu đầu tư hạ tầng KCN giai đoạn 2016 - 2020: Tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư, hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật KCN Thạnh Lộc giai đoạn 1 (150 ha) gắn với xúc tiến kêu gọi các nhà đầu tư đăng ký triển khai các dự án trong KCN, phấn đấu đạt tỉ lệ lấp đầy trên 80%. Đến năm 2019 giải phóng mặt bằng xong phần diện tích đất còn lại của KCN và triển khai đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật KCN Thạnh Lộc giai đoạn 1 vào cuối năm 2020, phục vụ triển khai dự án của các doanh nghiệp trong KCN.

Để chuẩn bị cho việc đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCN Thạnh Lộc giai đoạn 2, tập trung hoàn thành việc lập quy hoạch chi tiết, xây dựng dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật KCN Thạnh Lộc giai đoạn 2 với 100 ha còn lại, trong đó đất sản xuất kinh doanh là 58,93 ha, gắn với việc đẩy mạnh công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư lấp đầy KCN Thạnh Lộc.

Tổng vốn đầu tư cho KCN Thạnh Lộc, huyện Châu Thành giai đoạn 2016 - 2020 là 761,380 tỷ đồng, đầu tư bình quân từng năm 152,276 tỷ/năm (theo Phụ biểu báo cáo số 02 đính kèm). Về cơ cấu nguồn vốn thực hiện cụ thể như sau:

a) Vốn ngân sách nhà nước: 202 tỷ đồng. Trong đó: Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ: 108 tỷ đồng và vốn ngân sách tỉnh đầu tư: 94 tỷ đồng, để thực hiện các hạng mục:

- Giải phóng mặt bằng (GPMB) 20,64 ha đất kỹ thuật, giao thông công cộng và đất cây xanh với tổng vốn là 41,6 tỷ đồng.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống điện chiếu sáng, trồng cây xanh và xây dựng nhà điều hành, cổng, hàng rào KCN với tổng vốn đầu tư 160,4 tỷ đồng; cụ thể ở các hạng mục như sau:

- + Năm 2016: Tổng vốn ngân sách 19,822 tỷ đồng để đầu tư các hạng mục công trình như: Láng nhựa các con đường giao thông đã được xây dựng xong phần cán đá; xây dựng hoàn chỉnh (phần cán đá, láng nhựa và hệ thống thoát nước mưa) nối tiếp hết phần diện tích đất đã GPMB của đường số 1 KCN; lắp đặt hệ thống chiếu sáng các con đường số 1, số 2 và số 4; đầu tư xây dựng cổng rào và nhà điều hành KCN.

- + Năm 2017: Tổng vốn ngân sách 30 tỷ đồng để GPMB và đầu tư các hạng mục công trình như: Xây dựng trạm biến áp 3x50kVA; xây dựng nắp đan rãnh thoát nước các con đường đã thi công; triển khai trồng cây xanh dọc trên tuyến đường số 4; xây dựng hàng rào KCN và triển khai GPMB tiếp 06 ha đất quy hoạch giao thông công cộng, đất cây xanh.

+ Năm 2018: Tổng vốn ngân sách 60,178 tỷ đồng để GPMB và đầu tư các hạng mục công trình như: Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống đường giao thông, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng và hệ thống thoát nước mưa tiếp tục các đoạn đường giao thông: Đường số 1 (đoạn kéo dài về hướng kênh Đòn Đông), đường số 2 và đường số 3; tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh phần còn lại của hàng rào KCN; san lấp mặt bằng diện tích đất trồng cây xanh năm cặp đường số 2; GPMB 10,64 ha đất quy hoạch giao thông công cộng, đất cây xanh và trồng cây xanh cặp các tuyến đường theo quy hoạch.

+ Năm 2019: Tổng vốn ngân sách 64 tỷ đồng để GPMB và đầu tư các hạng mục công trình như: Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống đường giao thông, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng và hệ thống thoát nước mưa phần còn lại của đường số 1 (đoạn kéo dài về hướng kênh Tà Kiệt) và đường số 2 dài 892,46m; san lấp mặt bằng diện tích đất trồng cây xanh cặp đường số 1 theo quy hoạch và trồng cây xanh dọc tuyến đường số 1 và số 2 theo chiều dài đường đã xây dựng; GPMB khu đất kỹ thuật 4 ha.

+ Năm 2020: Tổng vốn ngân sách 28 tỷ đồng để đầu tư các hạng mục công trình hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật KCN giai đoạn 1 (150 ha) theo quy hoạch như: Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống đường giao thông, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng và hệ thống thoát nước mưa đường số 5, đường số 6 và đường số 7.

b) Vốn của các nhà đầu tư: Tổng vốn dự kiến huy động là 350,287 tỷ đồng, để thực hiện GPMB 43,07 ha đất sản xuất kinh doanh (SXKD) với tổng vốn là 92,601 tỷ đồng. Thực hiện san lấp mặt bằng phần diện tích đất SXKD của các nhà đầu tư, để triển khai dự án tại KCN với tổng kinh phí là 257,686 tỷ đồng.

c) Vốn doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN: 209,093 tỷ đồng, tập trung thực hiện đầu tư xây dựng một số công trình thuộc hạ tầng kỹ thuật KCN như: Hệ thống cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc, nhà máy xử lý nước thải (bao gồm cả tuyến ống thu gom), bến cảng..., nhằm mục đích là kinh doanh hạ tầng và các dịch vụ trong KCN.

2. Khu công nghiệp Thuận Yên, thị xã Hà Tiên

Đây là KCN xa trung tâm tỉnh, còn gặp nhiều khó khăn trở ngại trong kêu gọi đầu tư. Do đó mục tiêu đầu tư hạ tầng KCN Thuận Yên giai đoạn 2016 - 2020 (theo Phụ biểu báo cáo số 03 đính kèm), ưu tiên đầu tư thực hiện các hạng mục gồm: Hoàn thành điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/2000 và điều chỉnh dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật KCN Thuận Yên.

Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng KCN Thuận Yên được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phê duyệt tại Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 18/9/2007 có quy mô 140,73ha, với tổng vốn đầu tư 418 tỷ đồng. Những năm qua, ngân sách đã đầu tư 50,4 tỷ đồng cho Khu công nghiệp Thuận Yên (trong đó vốn Trung ương hỗ trợ 42 tỷ đồng và vốn địa phương 8,4 tỷ đồng).

Tổng vốn đầu tư KCN Thuận Yên, thị xã Hà Tiên giai đoạn 2016 - 2020 là 325,83 tỷ đồng, đầu tư bình quân từng năm 65,166 tỷ/năm (theo Phụ biểu báo cáo số 02 đính kèm). Về cơ cấu nguồn vốn thực hiện cụ thể như sau:

a) Vốn ngân sách nhà nước: 36 tỷ đồng để triển khai xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung tại KCN Thuận Yên, đảm bảo đủ điều kiện hoạt

động, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư triển khai dự án, bảo đảm về môi trường, nước thải được thu gom và xử lý đúng quy định, không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Chi tiết các năm như sau:

+ Năm 2017: Thực hiện các thủ tục lập, trình thẩm định và phê duyệt báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

+ Năm 2018: Tổng vốn ngân sách 20 tỷ đồng để đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải KCN.

+ Năm 2019: Tổng vốn ngân sách 16 tỷ đồng tiếp tục hoàn thành hệ thống thu gom và xử lý nước thải KCN để đưa vào hoạt động.

b) Vốn nhà đầu tư đăng ký dự án SXKD: Tổng vốn dự kiến huy động là 213,8 tỷ đồng, để thực hiện san lấp mặt bằng phần diện tích đất SXKD của các nhà đầu tư để triển khai dự án tại KCN.

c) Vốn doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN: Tổng vốn dự kiến là 76,03 tỷ đồng, để thực hiện đầu tư xây dựng một số công trình thuộc hạ tầng kỹ thuật KCN như: Hệ thống cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc, bến cảng..., với mục đích thu phí, kinh doanh dịch vụ trong KCN.

3. Đối với Khu công nghiệp Xẻo Rô, huyện An Biên

Xuất phát từ yêu cầu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, triển khai xây dựng 2 nhà máy nhiệt điện sử dụng Khí lò B tại KCN Xẻo Rô, với tổng diện tích dự kiến là 100 ha vào năm 2017. Từ đó mục tiêu đầu tư hạ tầng giai đoạn 2016 - 2020 KCN Xẻo Rô, huyện An Biên, tập trung thực hiện các hạng mục gồm: Tiến hành điều chỉnh cục bộ quy hoạch KCN; Thực hiện hoàn thành lập dự án đầu tư KCN trình phê duyệt, chuẩn bị đủ điều kiện để tổ chức triển khai dự án khi nhà đầu tư quyết định thực hiện đầu tư.

III. GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG VỐN

Để đảm bảo yêu cầu đầu tư các hạng mục hạ tầng của 03 KCN: Thạnh Lộc, Thuận Yên và Xẻo Rô nêu trên đòi hỏi phải huy động tối đa các nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà đầu tư, vốn doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN. Trong đó xác định mục tiêu đầu tư hạ tầng từ các nguồn như sau:

- Vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn hỗ trợ của Trung ương, vốn ngân sách tỉnh...): Tập trung đầu tư các hạng mục bồi thường GPMB (đất sử dụng xây dựng giao thông, cây xanh công trình công cộng KCN); đầu tư đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước mưa, điện ánh sáng các tuyến đường, cổng rào KCN, trồng cây xanh dây phân cách và lề đường;

- Vốn nhà đầu tư dự án SXKD trong KCN: Huy động đầu tư vào các hạng mục: Ứng tiền bồi thường GPMB diện tích dự án, san lấp mặt bằng, đầu tư xây dựng dự án đăng ký.

- Vốn doanh nghiệp đầu tư và kinh doanh hạ tầng KCN: Cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải, bưu điện, công nghệ thông tin, cảng KCN....

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để đảm bảo thực hiện đúng tiến độ, UBND tỉnh giao trách nhiệm tổ chức thực hiện cho các sở, ngành như sau:

1. Sở Kế hoạch Đầu tư và Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh, phân bổ các nguồn vốn ngân sách để đầu tư các hạng mục hạ tầng trong KCN từ nay đến năm

2020 theo Kế hoạch này. Trong đó, có phân kỳ đầu tư hàng năm, phù hợp với kết quả triển khai dự án SXKD của nhà đầu tư tại KCN.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang chủ trì, phối hợp:

- Sở Xây dựng rà soát lại quy hoạch chi tiết các KCN phù hợp với thực tế, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh quy hoạch từng KCN phù hợp, gắn với điều chỉnh dự án đầu tư, nhằm huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư vào các hạng mục hạ tầng bức xúc trong KCN.

- Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh, xây dựng và thực hiện kế hoạch đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, kêu gọi các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để tìm hiểu cơ hội đầu tư tại các KCN.

- Các sở, ngành liên quan nghiên cứu đề xuất UBND tỉnh ban hành các chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ đầu tư đặc thù của tỉnh Kiên Giang đối với các KCN để thu hút đầu tư.

Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang đưa nội dung Kế hoạch này vào chương trình (kế hoạch) thực hiện nhiệm vụ hằng năm để tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, báo cáo kịp thời về UBND tỉnh để điều chỉnh cho phù hợp thực tế. Định kỳ 06 tháng và hằng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về tiến độ thực hiện.//

Nơi nhận:

- TT TU;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, P.KTTH, P.KTCN, P.TH;
- Lưu: VT, nhsuong.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

(Giai đoạn 2016 - 2020)

(Kèm theo Kế hoạch số: 66 /KH-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2017)

Phụ biểu số 01 (ĐV tính: Triệu đồng)

TT	NỘI DUNG	Tổng cộng vốn các năm			2016			2017			2018			2019			2020			Ghi chú
		Tổng	Huy động	Ngân sách	Tổng	Huy động	Ngân sách	Tổng	Huy động	Ngân sách	Tổng	Huy động	Ngân sách	Tổng	Huy động	Ngân sách	Tổng	Huy động	Ngân sách	
1	2	18	19	20	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
1	KCN Thanh Lộc	761,380	559,380	202,000	142,392	122,570	19,822	160,931	130,931	30,000	212,294	152,116	60,178	184,294	120,294	64,000	61,469	33,469	28,000	
2	KCN Thuận Yên	325,828	289,828	36,000	17,174	17,174		49,322	49,322		111,269	91,269	20,000	148,185	132,185	16,000				
	Tổng cộng	1,087,208	849,208	238,000	159,566	139,744	19,822	210,253	180,253	30,000	323,563	243,385	80,178	332,479	252,479	80,000	61,469	33,469	28,000	



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do Hạnh phúc**

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP THẠNH LỘC- CHÂU THÀNH
(Giai đoạn 2016 - 2020)**

(Kèm theo Kế hoạch số: 66 /KH-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2017)

Phụ biểu số 02 (ĐV tính: Triệu đồng)

S T	NỘI DUNG	Khối lượng	Tổng cộng vốn các năm			2016			2017			2018			2019			2020			Ghi chú
			Tổng số	Huy động	Ngân sách	Tổng số	Huy động	Ngân sách	Tổng số	Huy động	Ngân sách	Tổng số	Huy động	Ngân sách	Tổng số	Huy động	Ngân sách	Tổng số	Huy động	Ngân sách	
Danh mục đầu tư																					
I	Giải phóng mặt bằng	63,71 ha	134,201	92,601	41,600				60,577	45,451	15,126	55,800	29,326	26,474	17,824	17,824					
	Đất giao nhà đầu tư	43,07 ha	92,601	92,601					45,451	45,451		29,326	29,326		17,824	17,824					
	Đất giao thông CC	20,64 ha	41,600		41,600				15,126		15,126		26,474	26,474							
II	Chi phí xây dựng		627,179	466,779	160,400	142,392	122,570	19,822	100,354	85,480	14,874	156,494	122,790	33,704	166,470	102,470	64,000	61,469	33,469	28,000	
1	San lấp mặt bằng	146,6 ha	282,277	257,686	24,591	64,326	64,326		39,832	39,832		96,395	93,352	3,043	57,654	36,106	21,548	24,070	24,070		
2	Giao thông	38,36 ha	149,596	40,350	109,246	10,285		10,285	9,641		9,641	23,922		23,922	79,170	40,350	38,820	26,578		26,578	
3	Láng nhựa mặt đường	39.823 m ²	7,125		7,125	6,921		6,921	204		204										
4	Điện trung hạ thế	12,257Km	15,375	15,375		4,033	4,033		1,231	1,231		4,397	4,397		4,484	4,484		1,230	1,230		
5	Điện chiếu sáng	8,948 Km	5,786		5,786	2,616		2,616	429		429				1,319		1,319	1,422	1,422	1,422	
6	Cấp nước	14,91 Km	12,460	12,460		3,267	3,267		997	997		3,561	3,561		3,639	3,639		996	996		
7	Thoát nước thải	14,91 Km	41,342	41,342		10,831	10,831		3,307	3,307		11,810	11,810		12,089	12,089		3,305	3,305		
9	Bến cấp tàu	1	52,114	52,114		26,057	26,057		26,057	26,057											
10	Bờ kè	1	47,452	47,452		14,056	14,056		14,056	14,056		9,670	9,670		5,802	5,802		3,868	3,868		
11	Cây xanh	20,3 ha	7,252		7,252				1,000		1,000	3,939		3,939	2,313		2,313				
12	Hàng rào	1	6,400		6,400				3,600		3,600	2,800		2,800							
Tổng cộng			761,380	559,380	202,000	142,392	122,570	19,822	160,931	130,931	30,000	212,294	152,116	60,178	184,294	120,294	64,000	61,469	33,469	28,000	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP THUẬN YÊN
(Giai đoạn 2016-2020)

(Kèm theo Kế hoạch số: 66 /KH-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2017)

Phụ biểu số 03 (ĐV tính: triệu đồng)

STT	NỘI DUNG	Khối lượng	Tổng cộng vốn các năm			2016			2017			2018			2019			Ghi chú
			Tổng số	Huy động	Ngân sách	Tổng số	Huy động	Ngân sách	Tổng số	Huy động	Ngân sách	Tổng số	Huy động	Ngân sách	Tổng số	Huy động	Ngân sách	
1	Danh mục đầu tư																	
1	Sân lấp mặt bằng	107,9 Ha	213,818	213,818		17,174	17,174		49,322	49,322		50,440	50,440		97,004	97,004		
3	Điện trung hạ thế	15,78 Km	19,348	19,348								11,718	11,718		7,630	7,630		
4	Hệ thống xử lý nước thải	1	36,000		36,000							20,000		20,000	16,000		16,000	
5	Cấp nước	9,7 Km	10,461	10,461								10,461	10,461					
7	Nhà hàng chính dịch vụ	1	8,901	8,901											8,901	8,901		
9	Cảng lên xuống hàng	1	37,300	37,300								18,650	18,650		18,650	18,650		
	Tổng cộng		325,828	289,828	36,000	17,174	17,174		49,322	49,322		111,269	91,269	20,000	148,185	132,185	16,000	